TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Bà Võ Ngọc Các

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Chí Thức - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 02 tháng 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Hồ Ngọc H, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*: Ông Trang Hoàng Ngh, sinh năm 19xx (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số B đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam kênh 5 – Cục C10 – Bộ Công An.

Địa chỉ: ấp TX, xã HT, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2019 của nguyên đơn là bà Hồ Ngọc H và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Trang Hoàng Ngh là vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 204/2011, quyển số 02 vào ngày 07/9/2011. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc và có một người con chung tên Trang Khã H. Trong thời gian bà đang mang thai cháu H thì ngày 11 tháng 11 năm 20XX ông Ngh bị bắt về tội Giết người và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 18 năm tù giam, hiện ông Ngh đang chấp hành án tại Trại giam kênh 5 – Cục C10 – Bộ Công An.

Trong thời gian ông Nghĩa đang chấp hành án thì bà thường xuyên đến thăm nhưng thời gian sau này tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần nên bà không còn đến thăm ông Ngh như trước. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trang Hoàng Ngh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Ngh có một người có chung là cháu Trang Khã H, sinh ngày 03 tháng 3 năm 20XX, hiện đang sống chung với bà tại số nhà A đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang Khã H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và bà không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H tự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H tự trình bày vợ chồng bà không có nợ ai và cũng không ai nợ ông, bà.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20 tháng 12 năm 2019 bị đơn Trang Hoàng Ngh trình bày*:

Ông đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 233/TB-TLVA ngày 25 tháng 9 năm 2019 và các giấy triệu tập đương sự của Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc H, ông Ngh trình bày: Ông và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07 tháng 9 năm 2011 hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam kênh 5 – Cục C10 – Bộ Công An nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dần dần tình cảm nhạt phai. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà H có một người con chung là cháu Trang Khã H (nữ, sinh ngày 03 tháng 3 năm 20xx) hiện đang sống chung với bà H, ông đồng ý giao cháu H cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và ông không phải thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi cháu H ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự bà Hồ Ngọc H thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn ông Trang Hoàng Ngh vắng mặt tuy nhiên tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ông Ngh có trình bày đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt và việc vắng mặt của ông Ngh là có lý do chính đáng. Như vậy, ông Ngh cũng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà H, về việc xin ly hôn với ông Trang Hoàng Ngh, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn về tài sản chung và nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Ngh đều tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Trang Hoàng Ngh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ông Ngh đã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ngh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Ngh kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07 tháng 9 năm 2011, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Ngh là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Như vậy, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngh.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà H và ông Ngh cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ tháng 9 năm 2011 đến ngày 11 tháng 11 năm 2011. Tuy nhiên, từ ngày 11 tháng 11 năm 2011, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Ngh phải đi chấp hành án tại Trại giam kênh 5 – Cục C10 – Bộ Công An kể từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên

tòa hôm nay bà H kiên quyết ly hôn với ông Ngh và tại Biên bản lấy khai của đương sự ông Ngh cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Như vậy, bà H và ông Ngh đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Ngh.

[4] Về con chung: Bà Hồ Ngọc H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang Khã H, (nữ, sinh ngày 03 tháng 3 năm 20XX) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông Ngh đi chấp hành án thì cháu H đều sống chung với bà H, bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu H thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ và cũng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20 tháng 12 năm 2019 bị đơn Trang Hoàng Ngh cũng đồng ý giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" chấp nhận yêu cầu của bà Hằng giao cháu Trang Khã H (nữ, sinh ngày 03 tháng 3 năm 20XX) cho bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Đáng lẽ ra, ông Ngh là người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà H không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*". Như vậy, ông Ngh là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Ngọc H và ông Trang Hoàng Ngh đều tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc H là có căn cứ.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà H là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Ngọc H và ông Trang Hoàng Ngh.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên Trang Khã H, (nữ, sinh ngày 03 tháng 3 năm 20XX) hiện đang sống chung với bà H cho bà Hồ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Ngh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông Ngh thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Ngọc H và ông Trang Hoàng Ngh tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009432 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt

hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP ST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP ST;
- UBND phường A3;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ